

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
XÂY DỰNG TRACODI
TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS
JOINT STOCK COMPANY



TRACODI

Số: 04/2026/TTĐH-HĐQT-TCD

No.: 04/2026/TTDH-HĐQT-TCD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán
Approval of the 2024 Audited Financial Statements

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of the 2024 Financial Statement as follows:

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định của Nhà nước với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

The 2024 Financial Statement has been audited by A&C Auditing and Consulting Company Limited in accordance with the State's prescribed standards with some key financial indicators as follows:

1. Báo cáo tài chính 2024 hợp nhất:
Consolidated Financial Statements 2024:

STT No	Chỉ tiêu Target	Số tiền (đồng) Amount (VND)
I	Tổng tài sản / Total assets	7.837.267.165.173
1	Tài sản ngắn hạn / Current assets	5.125.713.320.465
2	Tài sản dài hạn / Long-term assets	2.711.553.844.708
II	Tổng Nguồn vốn / Total resources	7.837.267.165.173
1	Nợ phải trả / Liabilities	5.565.460.076.232
2	Vốn chủ sở hữu, trong đó: Owner's equity, including:	2.271.807.088.941
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu / Owner's investment capital	3.358.206.410.000
2.2	Vốn khác của chủ sở hữu / Owners' other capital	917.191.749
2.3	Thặng dư vốn cổ phần / Share premium	244.421.087.982
2.4	Quỹ đầu tư phát triển / Investment and development fund	584.650.517
2.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / Undistributed after-tax profit	(1.430.659.933.486)
III	Kết quả kinh doanh / Business results	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ / Sales and service revenue	1.161.205.174.166
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ / Net revenue from sales and services	1.160.654.952.869
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / Net operating profit	(1.346.770.785.309)

30048
CÔNG
CỔ PH
ĐOÀN X
TRAC
ANH - T.

ke

STT No	Chỉ tiêu Target	Số tiền (đồng) Amount (VND)
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / <i>Total accounting profit before tax</i>	(1.314.105.002.012)
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / <i>Net profit after tax</i>	(1.450.205.786.585)
5.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(1.467.212.349.293)
5.2	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	17.006.562.708

2. Báo cáo tài chính 2024 riêng lẻ:
Separately Financial Statements 2024:

STT No	Chỉ tiêu Target	Số tiền (đồng) Amount (VND)
I	Tổng tài sản / Total assets	7.590.115.803.105
1	Tài sản ngắn hạn / <i>Current assets</i>	4.978.967.611.664
2	Tài sản dài hạn / <i>Long-term assets</i>	2.611.148.191.441
II	Tổng Nguồn vốn / Total resources	7.590.115.803.105
1	Nợ phải trả / <i>Liabilities</i>	5.313.160.468.183
2	Vốn chủ sở hữu, trong đó: <i>Owner's equity, including:</i>	2.276.955.334.922
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu / <i>Owner's investment capital</i>	3.358.206.410.000
2.2	Thặng dư vốn cổ phần/ <i>Share premium</i>	244.421.087.982
2.3	Quỹ đầu tư phát triển / <i>Investment and development fund</i>	584.650.517
2.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / <i>Undistributed after-tax profit</i>	(1.326.256.813.577)
III	Kết quả kinh doanh / Business results	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ / <i>Sales and service revenue</i>	542.809.778.168

2393
 TY
 AN
 Ỡ DƯ
 .ODI
 PHỔ C

h

STT No	Chỉ tiêu Target	Số tiền (đồng) Amount (VND)
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ / <i>Net revenue from sales and services</i>	542.809.778.168
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / <i>Net operating profit</i>	(1.363.661.797.381)
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / <i>Total accounting profit before tax</i>	(1.357.545.614.070)
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / <i>Net profit after tax</i>	(1.357.584.664.135)

Chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 đã được công bố thông tin.
Details in the audited Financial Statements for 2024 have been disclosed.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.
Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng.
Sincerely,

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHCĐ/GMS
- Lưu: BKS, VP HĐQT/Filing:
Supervisory Board, BOD's Office

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Thanh Hùng



Handwritten mark

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
XÂY DỰNG TRACODI
TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS
JOINT STOCK COMPANY



TRACODI

Số: 05/2026/TTĐH-HĐQT-TCD
No.: 05/2026/TTĐH-HĐQT-TCD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: *Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán*
Approval of the 2025 Audited Financial Statements

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of the 2025 Financial Statement as follows:

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định của Nhà nước với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:



The 2025 financial statements were audited by A&C Auditing and Consulting Company Limited in accordance with State-regulated auditing standards, featuring several key financial indicators as follows:

1. Báo cáo tài chính 2025 hợp nhất:

The 2025 Consolidated Financial Statements:

STT No	Chỉ tiêu Item	Số tiền (đồng) Amount (VND)
I	Tổng tài sản / Total assets	7.503.749.529.863
1	Tài sản ngắn hạn / Current assets	5.899.917.385.964
2	Tài sản dài hạn / Long-term assets	1.603.832.143.899
II	Tổng Nguồn vốn / Total equity and liabilities	7.503.749.529.863
1	Nợ phải trả / Liabilities	5.655.410.419.888
2	Vốn chủ sở hữu, trong đó: Owner's equity, including:	1.848.339.109.975
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu / Owner's investment capital	3.358.206.410.000
2.2	Vốn khác của chủ sở hữu / Owners' other capital	917.191.749
2.3	Thặng dư vốn cổ phần / Share premium	244.421.087.982
2.4	Quỹ đầu tư phát triển / Investment and development fund	584.650.517
2.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / Retained earnings	(1.881.967.653.339)
III	Kết quả kinh doanh / Business results	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ / Gross revenue	1.086.176.188.040
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ / Net revenue from sales and supply of services	1.085.719.937.522
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / Net operating profit	(247.356.551.737)
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / Total accounting profit before tax	(303.525.697.897)
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / Net profit after tax	(355.949.395.249)

STT No	Chỉ tiêu Item	Số tiền (đồng) Amount (VND)
5.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ/ <i>Net profit after tax attributable to shareholders of the parent</i>	(438.111.143.265)
5.2	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát/ <i>Profit after tax attributable to non-controlling interests</i>	82.161.748.016

2. Báo cáo tài chính 2025 riêng lẻ:
The 2025 Separate Financial Statements:

STT No	Chỉ tiêu Item	Số tiền (đồng) Amount (VND)
I	Tổng tài sản / Total assets	7.191.501.354.261
1	Tài sản ngắn hạn / <i>Current assets</i>	5.642.060.101.907
2	Tài sản dài hạn / <i>Long-term assets</i>	1.549.441.252.354
II	Tổng Nguồn vốn / Total equity and liabilities	7.191.501.354.261
1	Nợ phải trả / <i>Liabilities</i>	5.313.899.034.843
2	Vốn chủ sở hữu, trong đó: <i>Owner's equity, including:</i>	1.877.602.319.418
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu / <i>Owner's investment capital</i>	3.358.206.410.000
2.2	Thặng dư vốn cổ phần/ <i>Share premium</i>	244.421.087.982
2.3	Quỹ đầu tư phát triển / <i>Investment and development fund</i>	584.650.517
2.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / <i>Retained earnings</i>	(1.725.609.829.081)
III	Kết quả kinh doanh / Business results	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ / <i>Gross revenue</i>	181.560.140.424
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ / <i>Net revenue from sales and supply of services</i>	181.560.140.424
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / <i>Net operating profit</i>	(339.453.523.791)
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / <i>Total accounting profit before tax</i>	(395.005.962.304)

STT No	Chi tiêu Item	Số tiền (đồng) Amount (VND)
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / <i>Net profit after tax</i>	(399.353.015.504)

Chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 đã được công bố thông tin.
Details in the audited Financial Statements for 2025 have been disclosed.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.
Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng.
Sincerely.

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHĐCĐ/GMS
- Lưu: BKS, VP HĐQT/Filing:
Supervisory Board, BOD's Office

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHỦ TỊCH / CHAIRMAN



Nguyễn Thanh Hùng

b



TRACODI

Số: 06/2026/TTĐH-HĐQT-TCD

No.: 06/2026/TTĐH-HĐQT-TCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026

Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Re: 2024 profit distribution plan

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
Pursuant to the 2024 Financial Statement of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company audited by A&C Auditing and Consulting Company Limited.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi kính trình Đại hội đồng cổ đông việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

The Board of Directors of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company respectfully submits to the General Meeting of Shareholders the 2024 profit distribution as follows:



ĐVT: đồng
Unit: VND

1	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (BCTC hợp nhất) <i>Profit after tax in 2024 (Consolidated Financial Statements)</i>	(1.450.205.786.585)
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 Công ty mẹ (BCTC hợp nhất) <i>Profit after tax in 2024 for the Parent Company (Consolidated Financial Statements)</i>	(1.467.212.349.293)
3	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2024 (hợp nhất) <i>Retained earnings as of December 31, 2024 (Consolidated)</i>	(1.430.659.933.486)
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (BCTC riêng lẻ) <i>Profit after tax in 2024 (Separately Financial Statements)</i>	(1.357.584.664.135)
5	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2024 (riêng lẻ) <i>Retained earnings as of December 31, 2024 (Separately)</i>	(1.326.256.813.577)
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (%) <i>Appropriation to bonus and welfare fund (%)</i>	(không trích) <i>(no appropriation)</i>
7	Trích quỹ đầu tư phát triển (%) <i>Appropriation to investment and development fund (%)</i>	(không trích) <i>(no appropriation)</i>
8	Trích các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (%) <i>Appropriation to other funds under equity (%)</i>	(không trích) <i>(no appropriation)</i>
9	Lợi nhuận chưa phân phối dự kiến còn lại sau khi trích các quỹ và chia cổ tức <i>Estimated remaining retained earnings after fund appropriation and dividend distribution</i>	(1.467.212.349.293)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng.

Sincerely,

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHĐCĐ/GMS

- Lưu: BKS, VP HĐQT/Filing:

Supervisory Board, BOD's Office

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHỦ TỊCH / CHAIRMAN



Nguyễn Thanh Hùng



TRACODI

Số: 07/2026/TTĐH-HĐQT-TCD
No.: 07/2026/TTDH-HDQT-TCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
Re: 2025 profit distribution plan

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
Pursuant to the 2024 Financial Statement of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company audited by A&C Auditing and Consulting Company Limited.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi kính trình Đại hội đồng cổ đông việc phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

The Board of Directors of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company respectfully submits to the General Meeting of Shareholders the 2025 profit distribution as follows:



ĐVT: đồng

Unit: VND

1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (BCTC hợp nhất) <i>Profit after tax in 2025 (Consolidated Financial Statements)</i>	(355.949.395.249)
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 Công ty mẹ (BCTC hợp nhất) <i>Profit after tax in 2025 for the Parent Company (Consolidated Financial Statements)</i>	(438.111.143.265)
3	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2025 (hợp nhất) <i>Retained earnings as of December 31, 2025 (Consolidated)</i>	(1.881.967.653.339)
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (BCTC riêng lẻ) <i>Profit after tax in 2025 (Separately Financial Statements)</i>	(399.353.015.504)
5	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2025 (riêng lẻ) <i>Retained earnings as of December 31, 2025 (Separately)</i>	(1.725.609.829.081)
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (%) <i>Appropriation to bonus and welfare fund (%)</i>	(không trích) <i>(no appropriation)</i>
7	Trích quỹ đầu tư phát triển (%) <i>Appropriation to investment and development fund (%)</i>	(không trích) <i>(no appropriation)</i>
8	Trích các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (%) <i>Appropriation to other funds under equity (%)</i>	(không trích) <i>(no appropriation)</i>
9	Lợi nhuận chưa phân phối dự kiến còn lại sau khi trích các quỹ và chia cổ tức <i>Estimated remaining retained earnings after fund appropriation and dividend distribution</i>	(1.881.967.653.339)



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng.

Sincerely,

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHĐCĐ/GMS

- Lưu: BKS, VP HĐQT/Filing:

Supervisory Board, BOD's Office

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHỦ TỊCH / CHAIRMAN



Nguyễn Thanh Hùng



TRACODI

Số: 08/2026/TTĐH-HĐQT-TCĐ

No.: 08/2026/TTĐH-HĐQT-TCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: *Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026*
Re: *Approval of the 2026 business Plan*

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2025, tình hình thực tế và năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi năm 2026 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Based on the 2025 performance results, the prevailing circumstances, and the Company's operational and business capabilities, the Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval the 2026 Production and Business Plan of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company, with the following key targets:



ĐVT: triệu đồng
Unit: million VND

STT No	Chỉ tiêu Item	Thực hiện 2025 2025 Actual	Kế hoạch 2026 2026 Plan	Tỷ lệ (%) KH 2026/TH 2025 % 2026 Plan / 2025 Actual
1	Doanh thu thuần Net Revenue	1.085.719	801.704	73,84%
2	Lợi nhuận gộp Gross profit	348.916	544.019	73,84%
3	Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	(303.525)	(370.039)	121,91%
4	Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	(355.949)	(400.123)	112,41%
5	Chia cổ tức Dividends	Không chia No allocation	Không chia No allocation	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng.

Sincerely,

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHĐCĐ/GMS

- Lưu: VP HĐQT/Filing: BOD's Office

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHỦ TỊCH / CHAIRMAN



Nguyễn Thanh Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
XÂY DỰNG TRACODI
TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS
JOINT STOCK COMPANY



TRACODI

Số: 09/2026/TTĐH-HĐQT-TCD
No.: 09/2026/TTĐH-HĐQT-TCD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Báo cáo thù lao thành viên HĐQT, BKS và tiền lương Người quản lý năm 2024 và kế hoạch chi thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2025

Re: Report on the remuneration of members of the Board of Directors and the Supervisory Board, and the salary of Executives in 2024 and the remuneration plan for members of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), tiền lương Người quản lý năm 2024 và Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2026 như sau:



k

The Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of the Remuneration of the Board of Directors (BOD), the Supervisory Board and the salary of the Manager in 2024 and the Remuneration Plan for the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025 as follows:

1. Quyết toán thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2024:

Settlement of remuneration for members of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2024:

Tiền thù lao HĐQT và BKS từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 17/04/2024 như sau:

Remuneration of the BOD and the Supervisory Board from January 1, 2024 to December 31, 2024, pursuant to the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders adopted on April 17, 2024 is as follows:

Tổng cộng thù lao năm 2024 là: **439.000.000 đồng**

Total remuneration for 2024 is VND 439,000,000

Chi tiết mức thù lao HĐQT và BKS được trình bày trong Phụ lục 09.1 - Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (đính kèm)

Details of the remuneration level of the Board of Directors and the Supervisory Board are presented in Appendix 09.1 - Remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board (attached).

2. Quyết toán tiền lương Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty:

Salary settlement for the Management Board and other Managers of the Company:

Tổng số tiền lương chi trả cho Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty trong năm 2024 là: **5.691.298.969 đồng**.

The total salary paid to the Management Board and other Managers of the Company in 2024 is VND 5,691,298,969.

Chi tiết được trình bày trong Phụ lục 09.2 - Bảng lương Ban điều hành và Người quản lý khác (đính kèm).

Details are presented in Appendix 09.2 – Payroll of Management Board and other Managers (attached).

3. Phương án chi thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2025:

Remuneration plan for members of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025:

Không thực hiện.

Not applicable.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

04823
ÔNG T
Ổ PHẦN
CÁN XÂY
RACON
VH-T.P.V

h

Trân trọng.
Sincerely,

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHCĐ/GMS
- Lưu: BKS, VP HĐQT/Filing:
Supervisory Board, BOD's Office

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHỦ TỊCH / CHAIRMAN



Nguyễn Thanh Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
XÂY DỰNG TRACODI
TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS
JOINT STOCK COMPANY



TRACODI

Số: 10/2026/TTĐH-HĐQT-TCD
No.: 10/2026/TTDH-HĐQT-TCD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Báo cáo thù lao thành viên HĐQT, BKS và tiền lương Người quản lý năm 2025 và kế hoạch chi thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2026

Re: Report on the remuneration of members of the Board of Directors and the Supervisory Board, and the salary of Executives in 2025; and the remuneration plan for members of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), tiền lương Người quản lý năm 2025 và Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2026 như sau:

The Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of the Remuneration of the Board of Directors (BOD), the Supervisory Board and

the salary of the Manager in 2025 and the Remuneration Plan for the Board of Directors and the Supervisory Board in 2026 as follows:

1. Quyết toán thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2025:

Settlement of remuneration for members of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025:

Tiền thù lao HĐQT và BKS từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 như sau:
Remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board from January 1, 2025 to December 31, 2025 is as follows:

Tổng cộng thù lao năm 2025: **Không thực hiện.**
Total remuneration for 2025 is Not applicable.

2. Quyết toán tiền lương Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty:
Salary settlement for the Management Board and other Managers of the Company :

Tổng số tiền lương chi trả cho Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty trong năm 2025 là: **2.963.333.311 đồng.**

The total salary paid to the Management Board and other Managers of the Company in 2025 is VND 2,963,333,311.

Chi tiết được trình bày trong Phụ lục 10.1 - Bảng lương Ban điều hành và Người quản lý khác (đính kèm).

Details are presented in Appendix 10.1 – Payroll of Management Board and other Managers (attached).

3. Phương án chi thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2026:

Remuneration plan for members of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2026:

Không thực hiện.
Not applicable.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng.
Sincerely,

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHCĐ/GMS

- Lưu: BKS, VP HĐQT/Filing:

Supervisory Board, BOD's Office

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHỦ TỊCH / CHAIRMAN



Nguyễn Thanh Hùng

k



TRACODI

Số: 11/2026/TTĐH-BKS-TCD

No.: 11/2026/TTĐH-BKS-TCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026

Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Re: Selection of an independent audit firm to audit the 2026 Financial Statements

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi

Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát kính trình Quý Cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính (BCTC) trong năm 2026 của Công ty như sau:

To conduct the audit of the 2026 Financial Statements of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company in accordance with the provisions of law and the Company's Charter, the Supervisory Board respectfully presents to Shareholders the



selection of an independent audit firm to conduct the audit and review of the Company's 2026 Financial Statements as follows:

1. Thông qua việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán đáp ứng được các tiêu chí sau để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2026:

Approval the selection of one of the audit firm that meet the following criteria to conduct the audit of the Company's Financial Statements for the fiscal year 2026:

- Là công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có tên trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tổ chức phát hành tại thời điểm lựa chọn đơn vị kiểm toán;
Being a company established and legally operating in Vietnam, and included in the list of audit firms approved by the State Securities Commission to perform audits for listed companies and issuing organizations at the time of auditor selection.;
- Có kinh nghiệm kiểm toán cho công ty niêm yết, tổ chức phát hành; Không xung đột về quyền lợi, lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC cho công ty;
Experience in auditing listed companies, issuing organizations and audit experience in the field of renewable energy and other industries in which the company operates, along with a deep understanding of the characteristics as well as the impact and changes of domestic market;
- Đáp ứng được yêu cầu của HĐQT về chất lượng, phạm vi, nguồn lực và tiến độ kiểm toán;
Meeting the BOD's requirements for the quality, scope, resources and timeline of the audit;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp.
Having reasonable and appropriate audit fees.

2. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn công ty kiểm toán đáp ứng được các tiêu chí tại Mục 1 của Tờ trình này

Authorize the BOD to decide on the selection of the audit firm that meet the criteria stated in Item 1 of this Proposal

3. Ý kiến của Ban Kiểm soát:

Opinions of the Supervisory Board:

Với các đề xuất nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

With the above proposals, Supervisory Board respectfully submits to the General Meeting of Shareholders:

- Thông qua việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán đủ tiêu chí nêu ra tại mục 1
Approve the selection of one of the auditing firms that meet the criteria outlined in item 1.
- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các BCTC trong năm tài chính 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn Xây

dựng Tracodi trên cơ sở đáp ứng các tiêu thức đã đề ra và đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.

Approve the authorization for the Board of Directors to decide on the selection of the auditing unit and assign the General Director to sign the contract for providing auditing and reviewing services for the financial statements of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company in the fiscal year 2025, based on meeting the established criteria and ensuring maximum benefits for the Company.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng,
Sincerely.

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHĐCĐ/GMS
- Lưu: BKS, VP HĐQT/Filing: Supervisory Board, BOD's Office

TM. BAN KIỂM SOÁT
ON BEHALF OF SUPERVISORY BOARD

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
HEAD OF SUPERVISORY BOARD



Hoàng Quốc Trung





TRACODI

Số: 12/2026/TTĐH-HĐQT-TCĐ
No.: 12/2026/TTĐH-HĐQT-TCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Thông qua giao dịch với các bên liên quan được nêu tại thuyết minh Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024

Re: Approval of related-party transactions stated in the footnotes of the 2024 Audited Financial Statements

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn bộ các giao dịch giữa Công ty và người có liên quan (theo định nghĩa được quy định tại pháp luật hiện hành) được nêu tại thuyết minh Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 như sau:

The Board of Directors of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of all transactions between the Company and related parties (as defined by current laws) stated in the Notes to the Audited Financial Statements for 2024 as follows:



6

1. Danh sách các hợp đồng, giao dịch có giá trị giao dịch từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm thực hiện giao dịch: (Không có)

List of contracts and transactions with a transaction value of 35% or more of the total asset value of the Company's assets recorded in the most recent financial statements at the time of the transaction: (None)

2. Danh sách các hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm thực hiện giao dịch giữa Công ty và cổ đông Công ty sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại thời điểm thực hiện giao dịch hoặc người có liên quan của cổ đông đó: (Không có)

List of contracts, loans, and asset sales with a value exceeding 10% of the total asset value of the Company's assets recorded in the most recent financial statements at the time of the transaction between the Company and a shareholder of the Company owning 51% or more of the total number of voting shares at the time of the transaction or a related party of that shareholder: (None)

3. Đối với giao dịch với các bên có liên quan trong năm 2024 thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được công bố thông tin theo quy định: (Chi tiết tại Phụ lục 12.1 đính kèm).

For transactions with related parties in 2024 under the authority of the Board of Directors that have been disclosed in accordance with regulations: (Details in attached Appendix 12.1).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng.

Sincerely,

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHĐCĐ/GMS

- Lưu: VP HĐQT/Filing: BOD's Office

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHỦ TỊCH / CHAIRMAN



Nguyễn Thanh Hùng





TRACODI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

Số: 13/2026/TTĐH-HĐQT-TCĐ

No.: 13/2026/TTĐH-HĐQT-TCĐ

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Thông qua giao dịch với các bên liên quan được nêu tại thuyết minh Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Re: Approval of related-party transactions stated in the footnotes of the 2025 Audited Financial Statements

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn bộ các giao dịch giữa Công ty và người có liên quan (theo định nghĩa được quy định tại pháp luật hiện hành) được nêu tại thuyết minh Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 như sau:

The Board of Directors of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of all transactions between the Company and related parties (as defined by current laws) disclosed in the Notes to the Audited Financial Statements for 2025 as follows:



1. Danh sách các hợp đồng, giao dịch có giá trị giao dịch từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm thực hiện giao dịch: (Không có)
List of contracts and transactions with a value equal to or exceeding 35% or more of the total value of the Company's assets recorded in the most recent financial statements at the time of the transaction: (None)
2. Danh sách các hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm thực hiện giao dịch giữa Công ty và cổ đông Công ty sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại thời điểm thực hiện giao dịch hoặc người có liên quan của cổ đông đó: (Không có)
List of contracts and transactions involving loans or asset sales with a value exceeding 10% of the total value of the Company's assets recorded in the most recent financial statements at the time of the transaction between the Company and a shareholder of the Company owning 51% or more of the total number of voting shares at the time of the transaction or a related person of that shareholder: (None)
3. Đối với giao dịch với các bên có liên quan trong năm 2025 thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được công bố thông tin theo quy định: (Chi tiết tại Phụ lục 13.1 đính kèm).
Regarding transactions with related parties in 2025 under the authority of the Board of Directors that have been publicly disclosed in accordance with regulations: (Details in attached Appendix 13.1).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng.

Sincerely,

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHCĐ/GMS

- Lưu: VP HĐQT/Filing: BOD's Office

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS**

CHỦ TỊCH / CHAIRMAN



Nguyễn Thanh Hùng





TRACODI

Số: 14/2026/TTĐH-HĐQT-TCĐ
No.: 14/2026/TTĐH-HĐQT-TCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Thông qua chủ trương tham gia giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng quản trị dự kiến phát sinh trong năm 2026 cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất năm 2027

Re: Approval of the policy on related-party transactions expected to be implemented in 2026 until the next General Meeting of Shareholders in 2027

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các đơn vị thành viên hoạt động theo mô hình hệ sinh thái / tập đoàn bao gồm nhóm các công ty: Công ty mẹ, Công ty con, Công ty thành viên / Công ty liên kết có mối liên hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, hoặc phần vốn góp, hoặc có chung thành viên quản lý chủ chốt, hoặc liên kết khác trong hệ sinh thái Tracodi.

Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company and its member operate according to the ecosystem/corporate model including a group of companies: Parent company,

Subsidiaries, Member/Affiliates companies that are related to each other through share ownership, or capital contribution, or having the same key management members, or other links in the Tracodi.

Để đảm bảo hoạt động quản trị, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được thông suốt, tránh thiếu sót liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch hoạt động kinh doanh; chiến lược phát triển; kế hoạch điều chuyển vốn, hợp tác đầu tư giữa các công ty trong cùng hệ thống; hoạt động quản trị, các nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi, Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") chấp thuận chủ trương các giao dịch giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi và các bên liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của HĐQT, dự kiến phát sinh trong năm 2025 cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất năm 2026 như sau:

To ensure seamless corporate governance and business operations of the Company, avoiding omissions related to the implementation of business plans, development strategies, capital reallocation plans, and investment cooperation among companies within the same system, as well as governance activities, reporting obligations, and information disclosure on the stock market, the Board of Directors ("BOD") respectfully submits to the General Meeting of Shareholders ("GMS") for approval of the policies on transactions between the Company and related parties within the approval authority of the BOD, which are projected to arise from 2025 until the next GMS in 2026, as follows:

1. Thông qua chủ trương tham gia các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (như được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm) giữa Công ty với người có liên quan sau đây ("Người có liên quan"):

Approval of the policy on entering into contracts and transactions with a value of less than 35% of the total asset value of the Company recorded in the most recent financial statements (as detailed in the attached Appendix 1) between the Company and the following related parties ("Related Parties"):

- (i) Cổ đông của Công ty, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ.

Shareholders of the Company, authorized representatives of institutional shareholders owning more than 10% of the total ordinary shares of the Company and their related parties.

- (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của Công ty và người có liên quan của họ.

Members of the Board of Directors, Directors or Chief Executive Officer of the Company and their related parties.

- (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có lợi ích liên quan.

Enterprises in which members of the Board of Directors, Supervisors, Directors or Chief Executive Officer and other managers of the Company have related interests.

và
and

- (iv) Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết.

Transactions with subsidiaries and affiliated companies.

2. Trong trường hợp các giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh với Người có liên quan trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, thông qua chủ trương đề Công ty thực hiện các giao dịch này và báo cáo lại với ĐHĐCĐ thường niên trong cuộc họp gần nhất.

In case a transaction between the Company and Related Parties has a value of 35% or more, or transactions lead to a cumulative value of transactions arising with a Related Party within 12 months from the date of the first transaction equal to or exceeding 35% of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements, to approve the policy for the Company to execute these transactions and report to the next Annual General Meeting of Shareholders (AGM).

3. Thông qua cho Hội đồng quản trị quyết định, chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện: Thảo luận, đàm phán và xây dựng các điều khoản, điều kiện cụ thể của các hợp đồng, các giao dịch được nêu tại tờ trình này bao gồm việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các hợp đồng và các giao dịch nêu tại tờ trình này.

Approval of the Board of Directors to decide and direct relevant departments to: discuss, negotiate, and formulate specific terms and conditions of the contracts and transactions stated in this proposal, including the amendment, supplement, termination, and replacement of such contracts and transactions.

4. Thông qua cho Hội đồng quản trị quyết định, chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện: (i) Báo cáo định kỳ các giao dịch liên quan tại Báo cáo tình hình quản trị công ty đối với các loại hợp đồng, các giao dịch nêu tại tờ trình này; (ii) Các giao dịch khác được liệt kê theo Mẫu Phụ lục V - Báo cáo tình hình quản trị công ty tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020; (iii) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật đối với các Nghị quyết được Hội đồng quản trị ban hành độc lập cho các giao dịch với các bên liên quan.

Approval of the Board of Directors to decide and direct relevant departments to: (i) Periodically disclose related party transactions in the Corporate Governance Report regarding the types of contracts and transactions specified in this proposal; (ii) Report other transactions as prescribed by the template in Appendix V - Corporate Governance Report under Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020; (iii) Fulfill information disclosure obligations in accordance with legal regulations for Resolutions independently issued by the BOD regarding transactions with related parties.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng.
Sincerely,

Nơi nhận/Recipients:

- ĐHQĐ/GMS
- Lưu: VP HĐQT/Filing: BOD's Office

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHỦ TỊCH / CHAIRMAN



Nguyễn Thanh Hùng



TRACODI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

**Phụ lục 01 – DANH SÁCH CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN
QUAN THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Appendix 01 – LIST OF TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES
UNDER THE AUTHORITY OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Đính kèm Tờ trình số 14/2026/TTĐH-HĐQT-TCD ngày 06/07/2026 của HĐQT)
(Attached is the Proposal No. 14/2026/TTDH-HDQT-TCD dated July 06, 2026
of the Board of Directors)

STT No	Đối tác giao dịch Transaction partner	Nội dung giao dịch dự kiến Expected transaction content	Tổng giá trị giao dịch dự kiến (đồng) Expected total transaction value (VND)	Mối quan hệ với Tracodi Relationship with Tracodi
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital Bamboo Capital Group JSC	Hợp đồng tư vấn Consulting contract	480.000.000 đồng/tháng 480,000,000 VND/month	Công ty mẹ và Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty Parent Company and Affiliated Person of the Internal Actor of the Company
		Hợp đồng kinh tế dịch vụ Service economic Contract	50.000.000.000 đồng 50,000,000,000 VND	
2.	Công ty cổ phần BCG Land BCG Land JSC	Hợp đồng kinh tế dịch vụ Service economic contract	5.000.000.000 đồng 5,000,000,000 VND	Cùng Công ty mẹ - CTCP Tập đoàn Bamboo Capital Same parent company - Bamboo Capital Group Joint Stock Company
3.	Công ty cổ phần Skylar Skylar JSC	Doanh thu dự án điện áp mái, phụ lục hợp đồng điều chỉnh và thanh lý hợp đồng các dự án điện áp mái Revenue from rooftop solar power projects, appendix: amendment, supplement of contract, and contract liquidation	35.000.000.000 đồng 35,000,000,000 VND	Cùng Công ty mẹ - CTCP Tập đoàn Bamboo Capital Same parent company - Bamboo Capital Group Joint Stock Company

STT No	Đối tác giao dịch <i>Transaction partner</i>	Nội dung giao dịch dự kiến <i>Expected transaction content</i>	Tổng giá trị giao dịch dự kiến (đồng) <i>Expected total transaction value (VND)</i>	Mối quan hệ với Tracodi <i>Relationship with Tracodi</i>
		<i>of rooftop solar power projects</i>		
4.	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang <i>An Giang Building Material Exploiting And Processing Co. Ltd (ANTRACO)</i>	Tạm ứng kinh phí nội bộ, cổ tức được chia, mua bán đá xây dựng <i>Advances for internal funds, dividends, purchase and sale of construction stone</i>	50.000.000.000 đồng <i>50,000,000,000 VND</i>	Công ty con và Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty <i>Subsidiary Company and Affiliated Person of the Internal Actor of the Company</i>
5.	Công ty cổ phần TCD Plus <i>TCD Plus JSC</i>	Phí dịch vụ, doanh thu hợp tác và các hợp đồng và phụ lục hợp đồng có liên quan <i>Service fees, cooperation revenue, and related contracts and contract appendices</i>	500.000.000 đồng <i>500,000,000 VND</i>	Công ty con và Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty <i>Subsidiary Company and Affiliated Person of the Internal Actor of the Company</i>
6.	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Ecobuild	Thi công các dự án dân dựng, công nghiệp, thương mại vật liệu xây dựng, thuê xe, thuê văn phòng, thuê nhân công thiết bị thi công <i>Construction of civil, industrial, construction material trading projects, car rental, office rental, construction equipment and labor hire</i>	10.000.000.000 đồng <i>10,000,000,000 VND</i>	Công ty con và Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty <i>Subsidiary Company and Affiliated Person of the Internal Actor of the Company</i>
7.	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Shuaa <i>Shuaa Investment and Trading Joint Stock Company</i>	Hợp đồng thi công xây dựng, mua bán vật tư, dịch vụ tư vấn <i>Construction contracts, material procurement, and consulting services</i>	200.000.000.000 <i>200,000,000,000 VND</i>	Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty <i>Affiliated Person of the Internal Actor of the Company</i>
8.	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas <i>Indochina Hoi An Beach Villas Company Limited</i>	Doanh thu xây dựng, điện, nước, dự án Malibu Hội An, giá trị hợp đồng đã ký 2.800 tỷ (bao gồm VAT) <i>Revenue from construction, electricity, and water for the Malibu Hoi An</i>	250.000.000.000 <i>250,000,000,000 VND</i>	Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty <i>Affiliated Person of the Internal Actor of the Company</i>

STT No	Đối tác giao dịch Transaction partner	Nội dung giao dịch dự kiến Expected transaction content	Tổng giá trị giao dịch dự kiến (đồng) Expected total transaction value (VND)	Mối quan hệ với Tracodi Relationship with Tracodi
		project		
9.	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 B.O.T DT 830 Co. Ltd.	Bảo dưỡng duy tu tình lộ 830 hàng năm, nâng cấp cải tạo, làm mới rãnh thoát nước dọc Annual maintenance and upkeep of Provincial Road 830, upgrading and renovating, and creating new drainage ditches along the road. Thỏa thuận cho mượn xe hoặc thuê xe Agreement for vehicle loan or rental	70.000.000.000 đồng 70,000,000,000 VND 200.000.000 đồng 200,000,000 VND	Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty Affiliated Person of the Internal Actor of the Company
10.	Công ty Taxi Việt Nam Vietnam Taxi Co. Ltd.	Phí dịch vụ vận tải, tạm ứng kinh phí, tạm ứng thi công, sửa chữa bảo dưỡng xe Transportation service fees, advance payments, advance payments for construction, vehicle repair and maintenance	5.000.000.000 5,000,000,000 VND	Công ty con và Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty Subsidiary Company and Affiliated Person of the Internal Actor of the Company
11.	Công ty cổ phần BCG Energy BCG Energy JSC	Doanh thu các dự án điện áp mái, gia hạn thời hạn thanh toán công nợ Revenue from rooftop solar power projects, extension of payment deadlines for outstanding debts.	150.000.000.000 150,000,000,000 VND	Cùng Công ty mẹ - CTCP Tập đoàn Bamboo Capital và Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty Same Parent Company -Bamboo Capital Group JSC and Affiliated Person of the Internal Actor of the Company
12.	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA AAA Assurance Corporation	Phí bảo hiểm tai nạn, tài sản, bệnh... Accident, insurance premium, property insurance premium, health insurance premium	2.000.000.000 2,000,000,000 VND	Cùng Công ty mẹ - CTCP Tập đoàn Bamboo Capital Same parent company - Bamboo Capital Group Joint Stock Company

STT No	Đối tác giao dịch Transaction partner	Nội dung giao dịch dự kiến Expected transaction content	Tổng giá trị giao dịch dự kiến (đồng) Expected total transaction value (VND)	Mối quan hệ với Tracodi Relationship with Tracodi
13.	Công ty TNHH Du lịch sinh thái Côn Bắp ConBap Ecological Tourist Co. Ltd.	Phụ lục hợp đồng điều chỉnh, doanh thu thi công dự án Hội An Do'r, tiện ích sử dụng dịch vụ điện, nước... Appendix, contract, revenue from the construction of the Hoi An D'or project, utilities for electricity and water services	500.000.000.000 500,000,000,000 VND	Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty Affiliated Person of the Internal Actor of the Company
14.	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang Gia Khang Service Trading Investment Joint Stock Company	Phụ lục hợp đồng thi công xây dựng, dịch vụ tư vấn Appendix to the construction and consulting services contract	200.000.000.000 200,000,000,000 VND	Cùng Công ty mẹ - CTCP Tập đoàn Bamboo Capital Same parent company - Bamboo Capital Group Joint Stock Company
15.	Công ty cổ phần Xuất Khẩu Lao động Tracodi Tracodi Labor Export Joint Stock Company	Dịch vụ tư vấn, hợp tác liên kết, thỏa thuận cho mượn xe hoặc thuê xe,... Consulting services, partnerships, agreements for lending or renting vehicles, etc.	5.000.000.000 5,000,000,000 VND	Bên có liên quan với Người nội bộ Công ty Affiliated Person of the Internal Actor of the Company



The Board of Directors (BOD) of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company respectfully submits the following contents to the General Meeting of Shareholders (GMS) for approval:

1. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 đối với các ông bà sau đây:

Approving the dismissal of the following individuals from their positions as members of the Board of Directors for the term 2022-2027

1. Ông Dương Anh Văn

Mr. Duong Anh Van

2. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027:

Approving the election of additional members to the Board of Directors for the term 2022-2027:

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung: **01 thành viên độc lập HĐQT**

Number of additional members of the Board of Directors elected: 01 Independent member of the Board of Directors

- Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu bổ sung: Là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027.

Term of office for the additional elected member: The remainder of the 2022-2027 term.

3. Việc bầu thành viên HĐQT sẽ được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

The election of BOD members will be conducted in accordance with the Regulations on Nomination, Candidacy and additional election of members to the Board of Directors, members to the Supervisory Board for the 2022-2027 term, the Company's Charter, and relevant legal regulations.

4. Danh sách ứng viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 sẽ được tổng hợp và công bố thông tin theo quy định chậm nhất vào ngày 14/07/2026.

The list of candidates for the BOD for the term 2022-2027 will be compiled and disclosed in accordance with regulations no later than July 14, 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submitted for the GMS to review and vote for approval.

Trân trọng,

Sincerely,

Nơi nhận:

Recipient:

- ĐHĐCĐ;

GMS;

- Lưu: HĐQT, P. HTKD.

Archive: BOD, Business Administration Department.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Thanh Hùng

Nguyen Thanh Hung

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG TRACODI
TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS
JOINT STOCK COMPANY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2026
Ho Chí Minh City, July 14, 2026

DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022-2027
CANDIDATE LIST FOR THE ELECTION OF ADDITIONAL MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS
FOR THE 2022-2027 TERM

(Đính kèm Tờ trình số 15/2026/TTĐH-HĐQT-TCD ngày 06/07/2026 của HĐQT v/v Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo Nghị quyết HĐQT số 19/2026/NQ-HĐQT-TCD ngày 06/07/2026)

(Attached to Proposal No. 15/2026/TTĐH-HĐQT-TCD dated July 6, 2026 of the Board of Directors regarding the Dismissal and additional election of members of the Board of Directors for the term 2022-2027 to be submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders in accordance with the Board of Directors' Resolution No. 19/2026/NQ-HĐQT-TCD dated July 6, 2026)

STT No.	Họ tên Full name	Giới tính Gender	Năm sinh Year of birth	Quốc tịch Nationality	Trình độ chuyên môn Professional qualification	Chức vụ đang nắm giữ tại TRACODI Current position at TRACODI	Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác Current positions at other organizations	Vị trí ứng cử Position of candidacy
1	Nguyễn Thanh Tùng	Nam Male	1990	Việt Nam Vietnamese	Cử nhân chuyên ngành Quản lý Tài chính và Đầu tư	Không None	Giám đốc Khối Tài chính Công ty cổ phần Chứng khoán Capital Director of Finance at Capital Securities Joint Stock Company	Ứng viên Thành viên độc lập HĐQT



STT No.	Họ tên Full name	Giới tính Gender	Năm sinh Year of birth	Quốc tịch Nationality	Trình độ chuyên môn Professional qualification	Chức vụ đang nắm giữ tại TRACODI Current position at TRACODI	Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác Current positions at other organizations	Vị trí ứng cử Position of candidacy
	Nguyễn Thanh Tung				Bachelor's degree in Financial and Investment Management			Candidate for 93.C.T.C.P Independent member of the Board 01

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS


 Nguyễn Thanh Hùng
 Nguyễn Thanh Hùng



TRACODI

Số: 16/2026/TTĐH-HĐQT-TCD

No.: 16/2026/TTĐH-HĐQT-TCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027
Re: Dismissal and election of additional members of the Supervisory Board for the
2022-2027 term

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 01/2026/NQ-HĐQT-TCD ngày 16/01/2026 của Hội đồng quản trị về việc Tiếp nhận Đơn từ nhiệm Thành viên BKS của ông Nguyễn Việt Cương;
Pursuant to Resolution No. 01/2026/NQ-HĐQT-TCD dated January 16, 2026, 2026 of the Board of Directors regarding the receipt of the Resignation Letter of Member the Supervisory Board of Mr. Nguyen Viet Cuong;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty TRACODI kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua nội dung sau:



The Board of Directors (BOD) of TRACODI respectfully submits the following content for approval by the General Meeting of Shareholders (GMS):

1. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2022-2027 đối với các ông bà sau đây:

Approving the dismissal of the following individuals from their positions as members of the Supervisory Board (SB) for the term 2022-2027

1. Ông Nguyễn Việt Cường

Mr. Nguyen Viet Cuong

2. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027:

Approving the election of additional members to the SB for the term 2022-2027:

- Số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung: 01 thành viên

Number of additional SB members to be elected: 01 member

- Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu bổ sung: Là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027.

Term of office for the additional elected member: the remaining term of 2022-2027 term.

3. Việc bầu thành viên BKS sẽ được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

The election of SB members will be conducted in accordance with the Regulations on Nomination, Candidacy and additional election of members to the Board of Directors and the Supervisory Board for the 2022-2027 term, the Company's Charter, and relevant legal regulations.

4. Danh sách ứng viên thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027 sẽ được tổng hợp và công bố thông tin theo quy định chậm nhất vào ngày 14/07/2026.

The list of nominated candidates for SB membership for the 2022-2027 term will be compiled and disclosed in accordance with regulations no later than July 14, 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submitted for the GMS to review and vote for approval.

Trân trọng,

Sincerely,

Nơi nhận:

Recipient:

- ĐHĐCĐ;

GMS;

- Lưu: HĐQT, P. HTKD.

Archive: BOD, Business Administration Department.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS

CHAIRMAN



Nguyễn Thanh Hùng

Nguyen Thanh Hung



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG TRACODI
TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness



TRACODI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 14, 2026

DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN

BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022-2027 CANDIDATE LIST FOR THE ELECTION OF ADDITIONAL MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD FOR THE 2022-2027 TERM

(Đính kèm Tờ trình số 16/2026/TTĐH-HĐQT-TCD ngày 06/07/2026 của HĐQT v/v Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo Nghị quyết HĐQT số 19/2026/NQ-HĐQT-TCD ngày 06/07/2026)

(Attached to Proposal No. 16/2026/TTĐH-HĐQT-TCD dated July 6, 2026 of the Board of Directors regarding the Dismissal and additional election of members of the Supervisory Board for the term 2022-2027 to be submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders in accordance with the Board of Directors' Resolution No. 19/2026/NQ-HĐQT-TCD dated July 6, 2026)

STT No.	Họ tên Full name	Giới tính Gender	Năm sinh Year of birth	Quốc tịch Nationality	Trình độ chuyên môn Professional qualification	Chức vụ đang nắm giữ tại TRACODI Current position at TRACODI	Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác Current positions at other organizations	Vị trí ứng cử Position of candidacy
1	Đồng Hải Hà Dong Hai Ha	Nam Male	1977	Việt Nam Vietnamese	Kỹ sư Xây dựng Civil Engineer Thạc sĩ Quản lý	Không None	- Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần BCG Land / Chief of Supervisory Board at BCG	Ứng viên Thành viên BKS

STT No.	Họ tên Full name	Giới tính Gender	Năm sinh Year of birth	Quốc tịch Nationality	Trình độ chuyên môn Professional qualification	Chức vụ đang nắm giữ tại TRACODI Current position at TRACODI	Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác Current positions at other organizations	Vị trí ứng cử Position of candidacy
					Xây dựng Master of Construction Management Cử nhân Luật Bachelor of Law		Land Joint Stock Company - Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần BCG Energy / Chief of Supervisory Board at BCG Energy Joint Stock Company - Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital / Chief of Supervisory Board at Bamboo Capital Group Joint Stock Company - Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA / Chief of Supervisory Board at AAA Assurance Corporation - Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco / Chief of Supervisory Board at Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company - Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng / Head of the Supervisory Board of Nguyen Hoang Development Joint Stock Company	Candidate for member of the SB



TRACODI

Số: 17/2026/TTĐH-HĐQT-TCĐ

No.: 17/2026/TTĐH-HĐQT-TCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH **PROPOSAL**

V/v: Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh
Re: Supplements to business registration lines

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý Vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;
Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam and the Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024 providing amendments to the Law on Securities, the Law on Accounting, the Law on Independent Audit, the Law on State Budget, the Law on Management and Use of Public Property, the Law on Tax Administration, the Law on Personal Income Tax, the Law on National Reserves, and the Law on Penalties for Administrative Violations;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines on disclosure of information on securities market;
- Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/09/2025 v/v Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Pursuant to the Decision No. 36/2025/QĐ-TTg of the Prime Minister issued on September 29, 2025, on the promulgation of the Vietnamese Economic Classification System;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);

Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời cập nhật hệ thống ngành, nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/09/2025, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty TRACODI kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét việc cập nhật và bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh với nội dung như sau:

To support the Company's business expansion, update its registered business lines in accordance with Decision No. 36/2025/QĐ-TTg dated 29 September 2025 issued by the Prime Minister, ensure compliance with applicable laws, the Board of Directors ("BOD") of TRACODI respectfully submits to the General Meeting of Shareholders ("GMS") for consideration and approval the update and addition of the Company's registered business lines as follows:

1. Điều chỉnh và loại bỏ ngành nghề theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/09/2025

Adjustment and removal of business lines in accordance with Decision No. 36/2025/QĐ-TTg issued by the Prime Minister on September 29, 2025

STT No	Tên ngành/mã ngành trước khi cập nhật <i>Previous Business Line / Code</i>	Tên ngành/mã ngành sau khi cập nhật <i>Updated Business Line / Code</i>
1.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Other Specialized Wholesale Not Elsewhere Classified</i> Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn hóa chất công nghiệp. Mua bán bột giấy và giấy; Bán buôn vật tư phục vụ chế biến lâm sản. Bán buôn nhựa đường. Bán buôn phân bón và các mặt hàng nhựa; Bán buôn cao su mũ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở). Bán buôn thiết bị điện năng lượng mặt trời, điện gió	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Other Specialized Wholesale Not Elsewhere Classified</i> Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn hóa chất công nghiệp. Bán buôn bột giấy và giấy; Bán buôn vật tư phục vụ chế biến lâm sản. Bán buôn nhựa đường. Bán buôn phân bón và các mặt hàng nhựa; Bán buôn cao su mũ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở). Bán buôn thiết bị điện năng lượng mặt trời, điện gió

STT No	Tên ngành/mã ngành trước khi cập nhật <i>Previous Business Line / Code</i>	Tên ngành/mã ngành sau khi cập nhật <i>Updated Business Line / Code</i>
	<i>Detail: Wholesale of chemicals (excluding agricultural chemicals); wholesale of industrial chemicals; trading in pulp and paper; wholesale of materials for forestry processing; wholesale of bitumen; wholesale of fertilizers and plastic goods; wholesale of cup lump rubber, fertilizers (not at head office); wholesale of fertilizers, pesticides, and chemicals used in agriculture (no chemical storage). Wholesale of solar power and wind power equipment.</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) (<i>Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time</i>) Mã ngành/ BC: 4669	<i>Detail: Wholesale of chemicals (excluding agricultural chemicals); wholesale of industrial chemicals; trading in pulp and paper; wholesale of materials for forestry processing; wholesale of bitumen; wholesale of fertilizers and plastic goods; wholesale of cup lump rubber, fertilizers (not at head office); wholesale of fertilizers, pesticides, and chemicals used in agriculture (no chemical storage). Wholesale of solar power and wind power equipment.</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) (<i>Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time</i>) Mã ngành/ BC: 4679
2.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh <i>Manufacture of Cosmetics, Soap, Detergents, Polishes and Sanitary Products</i> (Không hoạt động tại trụ sở) (<i>Not conducted at the head office</i>) Mã ngành/ BC: 2023	Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh <i>Manufacture of Cosmetics, Perfumes, Soap, Detergents, Polishes and Sanitary Products</i> (Không hoạt động tại trụ sở) (<i>Not conducted at the head office</i>) Mã ngành/ BC: 2023
3.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Wholesale of metals and metal ores</i> Chi tiết: Bán buôn sắt, thép (trừ mua bán vàng miếng) <i>Detail: Wholesale of iron and steel (excluding bullion trading).</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Wholesale of metals and metal ores</i> Chi tiết: Bán buôn sắt, thép (trừ mua bán vàng miếng) <i>Detail: Wholesale of iron and steel (excluding bullion trading).</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp

STT No	Tên ngành/mã ngành trước khi cập nhật <i>Previous Business Line / Code</i>	Tên ngành/mã ngành sau khi cập nhật <i>Updated Business Line / Code</i>
	luật tùy từng thời điểm) (Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time) Mã ngành/ BC: 4662	luật tùy từng thời điểm) (Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time) Mã ngành/ BC: 4672
4.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục <i>Educational Support Services</i> Chi tiết: Dạy nghề <i>Detail: Vocational training.</i> Mã ngành/ BC: 8560	Loại bỏ
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Wholesale of Construction Materials and Fittings</i> Chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến <i>Detail: Trading in construction materials; wholesale of bamboo, rattan, logs, and processed wood.</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) (Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time) Mã ngành/ BC: 4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Wholesale of construction materials and fittings</i> Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến <i>Detail: Trading in construction materials; wholesale of bamboo, rattan, logs, and processed wood.</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) (Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time) Mã ngành/ BC: 4673
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác <i>Wholesale of Machinery, Equipment and Spare Parts</i> Chi tiết: Mua bán vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng, điện tử, phương tiện giao thông vận tải.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Wholesale of other machinery, equipment and spare parts</i> Chi tiết: Bán buôn vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng, điện tử, phương tiện giao thông vận tải.

STT No	Tên ngành/mã ngành trước khi cập nhật <i>Previous Business Line / Code</i>	Tên ngành/mã ngành sau khi cập nhật <i>Updated Business Line / Code</i>
	<i>Detail: Trading in materials, machinery, electronic equipment, and transportation vehicles.</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>(Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time)</i> Mã ngành/ BC: 4659	<i>Detail: Trading in materials, machinery, electronic equipment, and transportation vehicles.</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>(Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time)</i> Mã ngành/ BC: 4659
7.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Short-Stay Accommodation Services</i> Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (được công nhận xếp hạng từ 01 sao trở lên). <i>Detail: Hotel business (must be rated at least 1-star or higher).</i> Mã ngành/ BC: 5510	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự <i>Hotel and similar accommodation</i> (Không hoạt động tại trụ sở) <i>(Not conducted at the head office)</i> Mã ngành/ BC: 5510
8.	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Management consultancy activities</i> (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) <i>(Excluding financial, accounting, and legal consulting)</i> Mã ngành/ BC: 7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác <i>Business management and other management consultancy activities</i> (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) <i>(Excluding financial, accounting, and legal consulting)</i> Mã ngành/ BC: 7020
9.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Retail sale of other new goods in specialized stores</i> Chi tiết: Bán lẻ phân bón (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>Detail: Retail sale of fertilizers (excluding the distribution of goods that foreign-invested economic</i>	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) <i>Retail sale of other new goods (excluding motor vehicles, motorcycles and related parts and accessories)</i> Chi tiết: Bán lẻ phân bón (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>Detail: Retail sale of fertilizers (excluding the distribution of goods that</i>

STT No	Tên ngành/mã ngành trước khi cập nhật <i>Previous Business Line / Code</i>	Tên ngành/mã ngành sau khi cập nhật <i>Updated Business Line / Code</i>
	<i>organizations are not permitted to distribute under Vietnamese law from time to time).</i> Mã ngành/ BC: 4773	<i>foreign-invested economic organizations are not permitted to distribute under Vietnamese law from time to time).</i> Mã ngành/ BC: 4773
10.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác <i>Sale agents of automobiles and other motor vehicles</i> Mã ngành/ BC: 4513	Loại bỏ
11.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Không hoạt động tại trụ sở) <i>Mining of other non-ferrous metal ores (Not conducted at the head office)</i> Mã ngành/ BC: 0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Không hoạt động tại trụ sở) <i>Mining of other non-ferrous metal ores (Not conducted at the head office)</i> Mã ngành/ BC: 0729
12.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác <i>Wholesale of automobiles and other motor vehicles</i> Mã ngành/ BC: 4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác <i>Wholesale of automobiles and other motor vehicles</i> Mã ngành/ BC: 4661
13.	Lập trình máy vi tính <i>Computer programming activities</i> Mã ngành/ BC: 6201	Lập trình máy tính khác <i>Other computer programming activities</i> Mã ngành/ BC: 6219
14.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính <i>Computer consultancy and computer systems management services</i> Mã ngành/ BC: 6202	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính <i>Computer consultancy and computer infrastructure management services</i> (Tư vấn kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet) Mã ngành/ BC: 6220
15.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính <i>Information technology services and other related computer services</i> Mã ngành/ BC: 6209	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác <i>Other computer and information technology service activities</i> Mã ngành/ BC: 6290
16.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi <i>Repair of computers and peripheral equipment</i> Mã ngành/ BC: 9511	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông <i>Repair and maintenance of computers, information and communication equipment</i> Mã ngành/ BC: 9510

STT No	Tên ngành/mã ngành trước khi cập nhật <i>Previous Business Line / Code</i>	Tên ngành/mã ngành sau khi cập nhật <i>Updated Business Line / Code</i>
17.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan <i>Data processing, hosting and related activities</i> Mã ngành/ BC: 6311	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan <i>Information technology infrastructure, data processing, hosting and related activities</i> Mã ngành/ BC: 6310
18.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>Sale of motor vehicle parts and accessories</i> Mã ngành/ BC: 4530	Loại bỏ
19.	Sản xuất điện <i>Production of electricity</i> (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân) <i>(Excluding activities of electricity transmission, national system dispatch, distribution grid management, multi- purpose hydroelectricity, and nuclear power)</i> Mã ngành/ BC: 3511	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo <i>Production of electricity from non- renewable energy sources</i> (Trừ hoạt động truyền tải điện, điều độ hệ thống điện quốc gia, quản lý lưới điện phân phối và sản xuất điện hạt nhân) <i>(Excluding activities of electricity transmission, national power system dispatch, distribution grid management and nuclear power generation)</i> Mã ngành/ BC: 3511
20.	Bán mô tô, xe máy <i>Sale of motorcycles, motorbike</i> Mã ngành/ BC: 4541	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy <i>Wholesale of motorcycles, motor scooters, and parts and accessories thereof</i> Mã ngành/ BC: 4663
21.	Truyền tải và phân phối điện <i>Transmission and distribution of electricity</i> Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân). <i>Detail: Sale of electricity to end-users (excluding transmission, national grid dispatching, distribution grid management, multi-purpose hydroelectric power, and nuclear power).</i>	Truyền tải và phân phối điện <i>Transmission and distribution of electricity</i> Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân). <i>Detail: Sale of electricity to end-users (excluding transmission, national grid dispatching, distribution grid management, multi-purpose hydroelectric power, and nuclear power).</i>

STT No	Tên ngành/mã ngành trước khi cập nhật <i>Previous Business Line / Code</i>	Tên ngành/mã ngành sau khi cập nhật <i>Updated Business Line / Code</i>
	Mã ngành/ BC: 3512	Mã ngành/ BC: 3513
22.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy <i>Sale of motorcycle, motorbike parts and accessories</i> (Loại trừ: Không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>(Excluding transmission, national grid dispatching, distribution grid management, multi-purpose hydroelectric power, and nuclear power).</i> Mã ngành/ BC: 4543	Loại bỏ
23.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác <i>Maintenance and repair of motor vehicles</i> Mã ngành/ BC: 4520	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác <i>Repair and maintenance of motor vehicles and other motorized vehicles</i> Mã ngành/ BC: 9531
24.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) <i>Retail sale of passenger cars (9 seats or fewer)</i> Mã ngành/ BC: 4512	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác <i>Retail sale of motor vehicles and other motorized vehicles</i> Mã ngành/ BC: 4781
25.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy <i>Maintenance and repair of motorcycles, motorbike</i> Mã ngành/ BC: 4542	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy <i>Repair and maintenance of motorcycles and motor scooters</i> Mã ngành/ BC: 9532
26.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí <i>Installation of water supply, drainage, heating and air-conditioning systems</i> Chi tiết: Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516) <i>Detail: Installation and erection works (CPC 514, 516).</i> (Trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí <i>Installation of water supply, drainage, heating and air-conditioning systems</i> Chi tiết: Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516) <i>Detail: Installation and erection works (CPC 514, 516).</i> (Loại trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế

STT No	Tên ngành/mã ngành trước khi cập nhật <i>Previous Business Line / Code</i>	Tên ngành/mã ngành sau khi cập nhật <i>Updated Business Line / Code</i>
	hải sản; trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) <i>(Excluding installation of refrigeration equipment (freezers, cold storage, ice machines, air conditioners, water chillers) using R22 refrigerant in the seafood processing sector; excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the registered office.)</i> Mã ngành/ BC: 4322	biển thủy hải sản; trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) <i>(Excluding installation of refrigeration equipment (freezers, cold storage, ice machines, air conditioners, water chillers) using R22 refrigerant in the seafood processing sector; excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the registered office.)</i> Mã ngành/ BC: 4322
27.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Retail sale of hardware, paints, glass and other installation equipment for construction in specialized stores</i> Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hoá không thuộc danh mục hàng hoá không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632) <i>Detail: Retail distribution rights for goods not listed as prohibited or restricted from distribution under Vietnamese laws or international treaties to which Vietnam is a member (CPC 632).</i> Mã ngành/ BC: 4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Retail sale of hardware, paints, glass, building materials and other construction installation equipment</i> Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hoá không thuộc danh mục hàng hoá không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632) <i>Detail: Retail distribution rights for goods not listed as prohibited or restricted from distribution under Vietnamese laws or international treaties to which Vietnam is a member (CPC 632).</i> Mã ngành/ BC: 4752
28.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Retail sale of household electrical appliances, furniture (beds, wardrobes, tables, chairs), similar interior furnishings, lighting fixtures, and other household goods not elsewhere classified in specialized stores</i> Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu <i>Retail sale of household electrical appliances, beds, wardrobes, tables, chairs and similar furniture, lamps and lighting fixtures, and other household goods not elsewhere classified</i> Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hoá không thuộc danh mục hàng hoá không được phân phối

STT No	Tên ngành/mã ngành trước khi cập nhật <i>Previous Business Line / Code</i>	Tên ngành/mã ngành sau khi cập nhật <i>Updated Business Line / Code</i>
	bán lẻ các hàng hoá không thuộc danh mục hàng hoá không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632) <i>Detail: Retail distribution rights for goods not listed as prohibited or restricted from distribution under Vietnamese laws or international treaties to which Vietnam is a member (CPC 632).</i> Mã ngành/ BC: 4759	theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632) <i>Detail: Retail distribution rights for goods not listed as prohibited or restricted from distribution under Vietnamese laws or international treaties to which Vietnam is a member (CPC 632).</i> Mã ngành/ BC: 4759
29.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao <i>Manufacture of concrete and products from cement and plaster</i> Chi tiết: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở) <i>Detail: Manufacture of concrete and products from cement and plaster (not conducted at the registered office).</i> (Loại trừ không sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất xi măng giềng dầu, Barit và bentonit. Không thực hiện hoạt động sản xuất mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm). <i>(Same exclusions as above regarding clay bricks, oil-well cement, barite, bentonite and excluding manufacturing activities where foreign-invested enterprises are not permitted to distribute goods under Vietnamese law from time to time)</i> Mã ngành/ BC: 2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao <i>Manufacture of concrete, cement and plaster</i> Chi tiết: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở) <i>Detail: Manufacture of concrete and products from cement and plaster (not conducted at the registered office).</i> (Loại trừ không sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất xi măng giềng dầu, Barit và bentonit. Không thực hiện hoạt động sản xuất mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm). <i>(Same exclusions as above regarding clay bricks, oil-well cement, barite, bentonite and excluding manufacturing activities where foreign-invested enterprises are not permitted to distribute goods under Vietnamese law from time to time)</i> Mã ngành/ BC: 2395
30.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Other Education not elsewhere classified</i> Chi tiết: Đào tạo lái xe, lái máy thi công, công nhân cơ khí sửa chữa thiết bị công trình	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Other Education not elsewhere classified</i> Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo

STT No	Tên ngành/mã ngành trước khi cập nhật <i>Previous Business Line / Code</i>	Tên ngành/mã ngành sau khi cập nhật <i>Updated Business Line / Code</i>
	Detail: Driver training, construction equipment operation, and mechanical repair for construction equipment. Mã ngành/ BC: 8559	bồi dưỡng Details: Foreign Language and Conversational Skills Training; Non-level-specific Education Provided at Training and Development Centers Mã ngành/ BC: 8559

2. Bổ sung ngành, nghề:
Amendment of business lines:

STT No	Tên ngành <i>Business line name</i>	Mã ngành <i>Business code</i>
1	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác. <i>Other Educational Support Activities</i> Chi tiết: Hoạt động tư vấn liên quan đến nghề nghiệp và việc làm <i>Details: Career and Employment Counseling Activities</i>	8569
2	Hoạt động đào tạo sử dụng phương tiện vận tải phi thương mại <i>Training in the Operation of Non-Commercial Transport Equipment</i> Chi tiết: đào tạo lái xe ô tô, lái máy bay, lái tàu, lái thuyền,... mà người được đào tạo không hành nghề vận tải. <i>Details: Training in driving motor vehicles, piloting aircraft, operating trains, vessels and other means of transport, where trainees are not being trained for a transport-related profession.</i>	8553
3	Đào tạo sơ cấp <i>Elementary Vocational Training</i> Chi tiết: đào tạo công nhân cơ khí sửa chữa thiết bị công trình <i>Training of Mechanical Technicians for Construction Equipment Repair and Maintenance</i>	8531
4	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>Wholesale of Parts and Accessories for Motor Vehicles and Other Motorized Vehicles</i>	4662
5	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo <i>Production of Electricity from Renewable Energy Sources</i> (Không bao gồm hoạt động truyền tải điện, điều độ hệ thống điện quốc gia, quản lý lưới điện phân phối, sản xuất điện từ thủy điện đa mục tiêu) (Excluding activities of electricity transmission, national power system dispatch, distribution grid management, multi-purpose hydroelectric power generation.)	3512

STT No	Tên ngành Business line name	Mã ngành Business code
6	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Retail Sale of Motorcycles, Motor Scooters, and Parts and Accessories Thereof	4783
7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác Other short-term accommodation services Chi tiết: Biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở) Tourist villas, tourist apartments, tourist guesthouses, and houses with rooms for rent to tourists (not operating at the Company's head office).	5520
8	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Other professional, scientific and technical activities not elsewhere classified. Chi tiết: Nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực môi trường và thực phẩm, tư vấn môi trường, tư vấn đầu tư phát triển giao thông vận tải (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ tư vấn phân tích môi trường. Details: Research and application of science and technology in the fields of environment and food; environmental consultancy; transport infrastructure development consultancy (excluding financial, accounting and legal consultancy); environmental analysis consulting services.	7499
9	Dịch vụ spa và xông hơi Spa and Steam Bath Services Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) Details: Sauna, massage, sun tanning and non-surgical beauty treatment services (including slimming and body contouring treatments, abdominal fat reduction and similar services).	9623
10	Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác Beauty Care Services and Other Beauty Treatment Activities Chi tiết: Massage mặt, chăm sóc da mặt cơ bản, làm móng chân, móng tay, trang điểm, triệt lông,... Details: Facial massage, basic facial skincare treatments, manicure and pedicure services, makeup services, hair removal services, and other beauty treatments.	9622
11	Dịch vụ làm tóc Hairdressing Services	9621

STT No	Tên ngành Business line name	Mã ngành Business code
	Chi tiết: Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; Tạo kiểu tóc; Cắt, tỉa và cạo râu. Details: Hair cutting, shampooing, perming, blow-drying, hair coloring, straightening, hair pressing and other hairdressing services for both men and women; hair styling; beard trimming and shaving services. (trừ hoạt động gây chảy máu) (excluding activities involving bloodletting)	
12	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn Retail sale in non-specialized stores with food, beverages and tobacco predominating	4711
13	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ Wholesale of rice, wheat, other cereal products and wheat flour.	4631
14	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm Employment placement agency activities Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Detail: Activities of labor and employment consulting, placement and brokerage agencies.	7810
15	Cung ứng lao động tạm thời Temporary staffing services.	7821
16	Cung ứng nguồn nhân lực khác Provision of other human resources services	7822

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.
Respectfully submitted for the GMS to review and vote for approval.

Trân trọng,
Sincerely,

Nơi nhận:

Recipients:

- ĐHCĐ;

GMS;

- Lưu: HDQT, P. HTKD.

Archive: BOD Office, Business

Support Dept.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Thanh Hùng
Nguyen Thanh Hung



TRACODI

Số: 18/2026/TTĐH-HĐQT-TCD

No.: 18/2026/TTĐH-HĐQT-TCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026

Hồ Chí Minh City, July 06, 2026

TỜ TRÌNH PROPOSAL

**V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi
(sửa đổi, bổ sung lần thứ 31)**

**Re: Amendments and supplements to the Charter of Tracodi Construction Holdings
JSC (for the 31st time)**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi

Respectfully to: Shareholders of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law on amendments to Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý Vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;
Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam and the Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024 providing amendments to the Law on Securities, the Law on Accounting, the Law on Independent Audit, the Law on State Budget, the Law on Management and Use of Public Property, the Law on Tax Administration, the Law on Personal Income Tax, the Law on National Reserves, and the Law on Penalties for Administrative Violations;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định 245/2025/ND-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/ND-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Pursuant to the Government Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, detailing the implementation of a number of articles of the Securities Law, and

Government Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025, amending and supplementing Decree No. 155/2020/ND-CP detailing the implementation of a number of articles of the Securities Law;

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines on disclosure of information on securities market;
- Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Pursuant to Circular No. 68/2024/TT-BTC dated September 18, 2024 providing amendments to Circulars on securities transactions on securities trading system, clearing and settlement of securities transactions, operations of securities companies, and disclosure of information on securities market;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
Pursuant to Circular No. 116/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines for implementation of some Articles on administration of public companies;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2025 ngày 23/12/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30);
Pursuant to the Charter of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders through collecting shareholders' written opinions in December on December 23, 2025 (amended and supplemented for the 30th time);

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty TRACODI kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty TRACODI được thông qua lần thứ 30 ngày 23/12/2025 với nội dung như sau;

The Board of Directors (BOD) of TRACODI respectfully submits to the General Meeting of Shareholders (GMS) for consideration and approval of amending and supplementing the Charter of TRACODI Company approved for the 30th time on December 23, 2025, with the following content:

Căn cứ **Tờ trình số 17/2026/TTĐH-HĐQT-TCD** vừa được trình bày và trên cơ sở Điều lệ hiện hành, HĐQT kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua bản Điều lệ mới - Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng TRACODI (sửa đổi, bổ sung lần thứ 31) sẽ được thay thế Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng TRACODI (sửa đổi, bổ sung lần thứ 30).

Based on Proposal No. 17/2026/TTĐH-HĐQT-TCD has just been presented and on the basis of the current Charter, the Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval the new Charter - the Charter of TRACODI Construction Holdings Joint Stock Company (31st amendment), which will replace the Charter of TRACODI Construction Group Joint Stock Company (30th amendment).

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

Contents of amendment and supplement:

1.1 Sửa đổi khoản 1, Điều 4 như sau:

Amend clause 1, Article 4 as follows:

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Business lines of the Company:

Số TT <i>No.</i>	Tên ngành <i>Business line Name</i>	Mã ngành <i>Business Code</i>
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Technical Inspection and Analysis</i> Chi tiết: Dịch vụ phân tích các chỉ tiêu về môi trường, nông sản, thực phẩm và sản phẩm công nghệ (Loại trừ hoạt động tại các khu vực địa lý được cơ quan có thẩm quyền xác định vì lý do an ninh quốc phòng và không thực hiện hoạt động dịch vụ thuộc Mục 22 Danh mục A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP) <i>Detail: Analysis services for environmental, agricultural, food, and technological product indicators (excluding activities in geographic areas restricted by authorities for national defense and security reasons and services under Section 22, Category A, Appendix I of Decree No. 31/2021/ND-CP)</i>	7120
2	Bán buôn thực phẩm <i>Wholesale of Food Products</i> Chi tiết: Bán buôn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không bán buôn đường tại trụ sở). Bán buôn cà phê. Bán buôn chè (không hoạt động tại trụ sở). (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>Detail: Wholesale of seafood (not conducted at the head office); wholesale of milk and dairy products, confectionery, and products processed from cereals, flour, and starch (excluding sugar at the head office); wholesale of coffee and tea (not conducted at the head office).</i> <i>(Exclusion: Not engaging in distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not permitted to distribute under applicable laws from time to time.)</i>	4632
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Wholesale of Other Household Goods</i> Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn bàn, ghế, khung, kệ bằng kim loại và sản phẩm tương tự. Bán buôn hàng gốm sứ (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà	4649

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>Detail: Wholesale of household electrical appliances, lighting and lighting fixtures; wholesale of tables, chairs, frames, metal racks and similar products; wholesale of ceramic products (Exclusion: As above regarding foreign-invested enterprises).</i>	
4	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác <i>Installation of Other Construction Systems</i> Chi tiết: Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516) <i>Detail: Erection and installation works (CPC 514, 516)</i>	4329
5	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>Wholesale of Electronic and Telecommunication Equipment and Components</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>(Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time)</i>	4652
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Other Specialized Wholesale Not Elsewhere Classified</i> Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn hóa chất công nghiệp. Mua bán bột giấy và giấy; Bán buôn vật tư phục vụ chế biến lâm sản. Bán buôn nhựa đường. Bán buôn phân bón và các mặt hàng nhựa; Bán buôn cao su mũ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở). <i>Bán buôn thiết bị điện năng lượng mặt trời, điện gió.</i> <i>Detail: Wholesale of chemicals (excluding agricultural chemicals); wholesale of industrial chemicals; trading in pulp and paper; wholesale of materials for forestry processing; wholesale of bitumen; wholesale of fertilizers and plastic goods; wholesale of cup lump rubber, fertilizers (not at head office); wholesale of fertilizers, pesticides, and chemicals used in agriculture (no chemical storage). Wholesale of solar power and wind power equipment.</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>(Excluding the distribution of goods that foreign-invested</i>	4679

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	<i>economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time)</i>	
7	Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh <i>Manufacture of Cosmetics, Perfumes, Soap, Detergents, Polishes and Sanitary Products</i> (Không hoạt động tại trụ sở) <i>(Not conducted at the head office)</i>	2023
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Wholesale of Metals and Metal Ores</i> Chi tiết: Bán buôn sắt, thép (trừ mua bán vàng miếng) <i>Detail: Wholesale of iron and steel (excluding bullion trading).</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>(Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time)</i>	4672
9	Vận tải hành khách đường bộ khác <i>Other Passenger Land Transport</i> Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ <i>Detail: Road passenger transport business</i>	4932
10	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Wholesale of Computers, Peripheral Equipment and Software</i> Chi tiết: Mua bán máy tính và đầu tư phát triển tin học <i>Detail: Trading in computers and information technology development.</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>(Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time)</i>	4651
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Other Supporting Services Related to Transport</i> Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ hỗ trợ khác	5229

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	liên quan đến vận tải: dịch vụ giữ xe, đại lý bán vé máy bay. <i>Detail: Freight forwarding services; other supporting transport services; parking services, airline ticket agency.</i>	
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Wholesale of Construction Materials and Fittings</i> Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến <i>Detail: Trading in construction materials; wholesale of bamboo, rattan, logs, and processed wood.</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>(Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time)</i>	4673
13	Điều hành tua du lịch <i>Tour Operation</i> Chi tiết: chỉ kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam. <i>Detail: Engaging exclusively in international inbound travel services catering to foreign tourists visiting Vietnam and domestic travel services as a component of inbound tourism services to Vietnam</i>	7912
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Wholesale of other machinery, equipment and spare parts</i> Chi tiết: Bán buôn vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng, điện tử, phương tiện giao thông vận tải. <i>Detail: Trading in materials, machinery, electronic equipment, and transportation vehicles.</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>(Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time)</i>	4659
15	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác. <i>Other Educational Support Activities</i> Chi tiết: Hoạt động tư vấn liên quan đến nghề nghiệp và	8569

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	việc làm <i>Details: Career and Employment Counseling Activities</i>	
16	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Other Education not elsewhere classified</i> Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Đào tạo lái xe, lái máy thi công, công nhân cơ khí sửa chữa thiết bị công trình. <i>Details: Foreign Language and Conversational Skills Training; Non-level-specific Education Provided at Training and Development Centers. Training in driving, construction machinery operation, and mechanical equipment repair.</i>	8559
17	Hoạt động đào tạo sử dụng phương tiện vận tải phi thương mại <i>Training in the Operation of Non-Commercial Transport Equipment</i> Chi tiết: đào tạo lái xe ô tô, lái máy bay, lái tàu, lái thuyền,... mà người được đào tạo không hành nghề vận tải. <i>Details: Training in driving motor vehicles, piloting aircraft, operating trains, vessels and other means of transport, where trainees are not being trained for a transport-related profession.</i>	8553
18	Đào tạo sơ cấp <i>Elementary Vocational Training</i> Chi tiết: đào tạo công nhân cơ khí sửa chữa thiết bị công trình <i>Training of Mechanical Technicians for Construction Equipment Repair and Maintenance</i>	8531
19	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa <i>Manufacture of Pulp, Paper and Paperboard</i> Chi tiết: Sản xuất bột giấy và giấy <i>Detail: Manufacture of pulp and paper.</i>	1701
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Real Estate Business, Ownership or Lease of Land Use Rights</i> Chi tiết: kinh doanh bất động sản (Loại trừ: không thực hiện hoạt động “đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng” và các hoạt động kinh doanh khác mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được phép thực hiện theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>Detail: Real estate business. (Excludes cemetery</i>	6810

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	<i>infrastructure construction for land use rights transfer and business activities that foreign-invested economic organizations are not permitted to conduct under Vietnamese law from time to time.)</i>	
21	Lắp đặt hệ thống điện <i>Electrical System Installation</i> Chi tiết: Thi công xây lắp điện dân dụng và hạ thế. Thi công xây lắp điện cao thế đến 500 kV, đường dây đến 500 kV, trạm biến áp đến 220 kV <i>Detail: Construction and installation of low-voltage and residential electrical systems; construction and installation of high-voltage electrical systems up to 500 kV, including power lines up to 500 kV and substations up to 220 kV</i>	4321
22	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự <i>Hotels and similar accommodation</i> (Không hoạt động tại trụ sở) <i>(not operating at the Company's head office).</i>	5510
23	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Restaurants and Mobile Food Services</i> Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống <i>Detail: Restaurant services.</i>	5610
24	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác <i>Other short-term accommodation services</i> Chi tiết: Biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở) <i>Tourist villas, tourist apartments, tourist guesthouses, and houses with rooms for rent to tourists (not operating at the Company's head office).</i>	5520
25	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Other professional, scientific and technical activities not elsewhere classified.</i> Chi tiết: Nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực môi trường và thực phẩm, tư vấn môi trường, tư vấn đầu tư phát triển giao thông vận tải (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ tư vấn phân tích môi trường <i>Details: Research and application of science and technology in the fields of environment and food; environmental consultancy; transport infrastructure development consultancy (excluding financial, accounting and legal consultancy); environmental analysis consulting services.</i>	7499

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
26	Dịch vụ spa và xông hơi <i>Spa and Steam Bath Services</i> Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) <i>Details: Sauna, massage, sun tanning and non-surgical beauty treatment services (including slimming and body contouring treatments, abdominal fat reduction and similar services).</i>	9623
27	Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác <i>Beauty Care Services and Other Beauty Treatment Activities</i> Chi tiết: Massage mặt, chăm sóc da mặt cơ bản, làm móng chân, móng tay, trang điểm, triệt lông... <i>Details: Facial massage, basic facial skincare treatments, manicure and pedicure services, makeup services, hair removal services, and other beauty treatments.</i>	9622
28	Dịch vụ làm tóc <i>Hairdressing Services</i> Chi tiết: Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; Tạo kiểu tóc; Cắt, tỉa và cạo râu. <i>Details: Hair cutting, shampooing, perming, blow-drying, hair coloring, straightening, hair pressing and other hairdressing services for both men and women; hair styling; beard trimming and shaving services.</i> (trừ hoạt động gây chảy máu) (excluding activities involving bloodletting)	9621
29	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Wholesale of agricultural and forestry raw materials (excluding wood, bamboo, and neohouzeaua) and live animals</i> Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác (không hoạt động tại trụ sở) <i>Detail: Wholesale of animal feed and raw materials for livestock, poultry, and aquatic feed. Wholesale of paddy, maize, and other cereal grains (not conducted at the head office).</i> (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa	4620

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) (Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not allowed to engage in, in accordance with Vietnamese laws and international commitments applicable from time to time)	
30	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Sawing, planing, and preservation of wood	1610
31	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Manufacture of other products from wood; manufacture of products from bamboo, neohouzeaua, straw, rush, and plaiting materials	1629
32	Quảng cáo Advertising Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng Detail: Services for introducing advertising products to the public.	7310
33	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác Business management and other management consultancy activities (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (Excluding financial, accounting, and legal consulting)	7020
34	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Architectural and related engineering consultancy activities Chi tiết: - Thiết kế kết cấu công trình, thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế hệ thống cơ điện công trình dân dụng và công nghiệp, hệ thống kỹ thuật hạ tầng. - Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. - Thiết kế nội, ngoại thất công trình. - Thiết kế máy móc và thiết bị điện năng lượng mặt trời, điện gió; - Thiết kế máy móc và thiết bị liên quan đến xử lý nước thải và nước sạch Detail: - Design of structural works and architectural works; - Design of mechanical and electrical systems for civil and industrial construction; - Design of infrastructure technical systems; - Master planning for construction projects; Interior and exterior design; - Design of solar and wind power equipment; - Design of machinery and equipment for wastewater and clean water treatment.	7110
35	Cho thuê xe có động cơ Rental of motor vehicles	7710

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
36	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Không hoạt động tại trụ sở) <i>Manufacture of plywood, veneer sheets, laminated boards and other thin wood boards (Not conducted at the head office)</i>	1621
37	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Không hoạt động tại trụ sở)	1622
38	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) <i>Retail sale of other new goods (excluding motor vehicles, motorcycles and related parts and accessories)</i> Chi tiết: Bán lẻ phân bón (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>Detail: Retail sale of fertilizers (excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not permitted to distribute under Vietnamese law from time to time).</i>	4773
39	Khai thác quặng sắt (Không hoạt động tại trụ sở) <i>Mining of iron ores (Not conducted at the head office)</i>	0710
40	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (Không hoạt động tại trụ sở) <i>Mining of uranium and thorium ores (Not conducted at the head office)</i>	0721
41	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Không hoạt động tại trụ sở) <i>Mining of other non-ferrous metal ores (Not conducted at the head office)</i>	0729
42	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở) <i>Quarrying of stone, sand, gravel, and clay (Not conducted at the head office)</i>	0810
43	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác <i>Wholesale of automobiles and other motor vehicles</i>	4661
44	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại <i>Trade promotion and introduction services</i> (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) <i>(Not including use of pyrotechnics, explosives, flammable chemicals, or special effects for cultural programs, events, or filming.)</i>	8230

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
45	Lập trình máy tính khác <i>Other computer programming activities</i>	6219
46	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính <i>Computer consultancy and computer infrastructure management services</i> (Trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet) <i>(Except for agency services for Internet access provision)</i>	6220
47	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác <i>Other computer and information technology service activities</i>	6290
48	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông <i>Repair and maintenance of computers, information and communication equipment</i>	9510
49	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan <i>Information technology infrastructure, data processing, hosting and related activities</i>	6310
50	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác <i>Manufacture of knitted and crocheted fabrics and other non-woven fabrics</i>	1391
51	Sản xuất thảm, chăn, đệm <i>Manufacture of carpets, blankets and mattresses</i>	1393
52	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở) <i>Manufacture of prepared feeds for livestock, poultry, and aquatic animals</i> <i>Note: Not conducted at the head office.</i>	1080
53	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>Wholesale of Parts and Accessories for Motor Vehicles and Other Motorized Vehicles</i>	4662
54	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo <i>Production of electricity from non-renewable energy sources</i> (Trừ hoạt động truyền tải điện, điều độ hệ thống điện quốc gia, quản lý lưới điện phân phối và sản xuất điện hạt nhân.) <i>(Excluding activities of electricity transmission, national power system dispatch, distribution grid management and nuclear power generation.)</i>	3511
55	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo <i>Production of Electricity from Renewable Energy Sources</i> (Không bao gồm hoạt động truyền tải điện, điều độ hệ	3512

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	thống điện quốc gia, quản lý lưới điện phân phối, sản xuất điện từ thủy điện đa mục tiêu) (Excluding activities of electricity transmission, national power system dispatch, distribution grid management, multi-purpose hydroelectric power generation)	
56	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Wholesale of motorcycles, motor scooters, and parts and accessories thereof	4663
57	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Agents, brokers, and auction of goods Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ đấu giá tài sản) (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) Detail: Acting as agents and brokers (excluding asset auction activities) (Excluding the distribution of goods that foreign-invested economic organizations are not permitted to distribute under Vietnamese law from time to time)	4610
58	Truyền tải và phân phối điện Transmission and distribution of electricity Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân). Detail: Sale of electricity to end-users (excluding transmission, national grid dispatching, distribution grid management, multi-purpose hydroelectric power, and nuclear power).	3513
59	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Retail Sale of Motorcycles, Motor Scooters, and Parts and Accessories Thereof	4783
60	Xây dựng công trình đường sắt Construction of railways	4211
61	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Wholesale of fabrics, apparel, and footwear (Loại trừ: Không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) (Excluding transmission, national grid dispatching, distribution grid management, multi-purpose hydroelectric power, and nuclear power).	4641
62	Xây dựng công trình đường bộ Construction of roads and highways	4212 (Chính)/

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	Chi tiết: Thi công xây dựng công trình giao thông <i>Detail: Construction of transport infrastructure works.</i>	4212 (Main)
63	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng <i>Provision of catering services under non-regular contracts with clients</i>	5621
64	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác <i>Repair and maintenance of motor vehicles and other motorized vehicles</i>	9531
65	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác <i>Retail sale of motor vehicles and other motorized vehicles</i>	4781
66	Xây dựng công trình công ích khác <i>Construction of other utility projects</i>	4229
67	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy <i>Repair and maintenance of motorcycles and motor scooters</i>	9532
68	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Construction of other civil engineering projects</i> Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513) <i>Detail: Construction of civil engineering works (CPC 513).</i>	4299
69	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu <i>Other auxiliary activities of financial services not elsewhere classified</i> Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) <i>Detail: Investment consultancy services (excluding consultancy on finance, accounting, and law).</i>	6619
70	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp <i>Installation of industrial machinery and equipment</i> Chi tiết: Lắp đặt thiết bị điện năng lượng mặt trời, điện gió và các thiết bị liên quan đến xử lý nước thải và nước sạch <i>Detail: Installation of solar power equipment, wind power equipment, and devices related to wastewater and clean water treatment.</i>	3320
71	Xây dựng nhà để ở <i>Construction of residential buildings</i> Chi tiết: Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC 512) <i>Detail: Construction of high-rise buildings (CPC 512).</i>	4101
72	Xây dựng nhà không để ở <i>Construction of non-residential buildings</i> Chi tiết: Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC 512) <i>Detail: Construction of high-rise buildings (CPC 512)</i>	4102
73	Xây dựng công trình điện	4221

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	<i>Construction of power infrastructure works</i> Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513) <i>Detail: Construction of civil engineering works (CPC 513).</i> (Loại trừ: xây dựng công trình thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội và doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc hoạt động thương mại khác thuộc Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền Nhà nước trong hoạt động thương mại) <i>(Excludes the construction of multi-purpose hydroelectric power plants, nuclear power plants with particularly significant socio-economic importance, and enterprises engaged in the supply of goods or services or other commercial activities that fall under the scope of State monopoly as regulated in Decree No. 94/2017/ND-CP on goods and services subject to State monopoly in commercial activities)</i>	
74	Xây dựng công trình cấp, thoát nước <i>Construction of water supply and drainage systems</i> Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513) <i>Detail: Construction of civil engineering works (CPC 513).</i>	4222
75	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc <i>Construction of telecommunications and communication transmission lines</i> Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513) <i>Detail: Construction of civil engineering works (CPC 513).</i>	4223
76	Xây dựng công trình thủy <i>Construction of waterway projects</i> Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513) <i>Detail: Construction of civil engineering works (CPC 513).</i>	4291
77	Xây dựng công trình khai khoáng <i>Construction of mining works</i> Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513) <i>Detail: Construction of civil engineering works (CPC 513)</i>	4292
78	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo <i>Construction of processing and manufacturing facilities</i> Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513) <i>Detail: Construction of civil engineering works (CPC 513).</i>	4293

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
79	Phá dỡ <i>Demolition</i> Chi tiết: Dịch vụ tháo dỡ (CPC 5112) <i>Detail: Demolition services (CPC 5112).</i>	4311
80	Chuẩn bị mặt bằng <i>Site preparation</i> Chi tiết: Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518) (Không thực hiện hoạt động “Dịch vụ nổ mìn” thuộc Mục 1 Danh mục A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP) <i>Detail: Other construction activities (CPC 511, 515, 518).</i> <i>(Not including “blasting services” as listed in Section 1, Category A, Appendix I of Decree No. 31/2021/ND-CP)</i>	4312
81	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí <i>Installation of water supply, drainage, heating and air- conditioning systems</i> Chi tiết: Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516) <i>Detail: Installation and erection works (CPC 514, 516).</i> (Trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản; trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) <i>(Excluding installation of refrigeration equipment (freezers, cold storage, ice machines, air conditioners, water chillers) using R22 refrigerant in the seafood processing sector; excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the registered office.)</i>	4322
82	Hoàn thiện công trình xây dựng <i>Completion of construction works</i> Chi tiết: Công tác hoàn thiện công trình nhà cao tầng (CPC 517) (Loại trừ: xây dựng công trình thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội) <i>Detail: Completion works for high-rise buildings (CPC 517).</i> <i>(Excluding construction of multi-purpose hydropower and nuclear power projects of significant socio-economic importance)</i>	4330
83	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác <i>Other specialized construction activities</i> Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513) (Loại trừ: xây dựng công trình thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội) <i>Detail: Construction of civil engineering works (CPC 513).</i>	4390

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	<i>(Excluding construction of multi-purpose hydropower and nuclear power projects of significant socio-economic importance)</i>	
84	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Retail sale of hardware, paints, glass, building materials and other construction installation equipment</i> Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hoá không thuộc danh mục hàng hoá không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632) <i>Detail: Retail distribution rights for goods not listed as prohibited or restricted from distribution under Vietnamese laws or international treaties to which Vietnam is a member (CPC 632).</i>	4752
85	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu <i>Retail sale of household electrical appliances, beds, wardrobes, tables, chairs and similar furniture, lamps and lighting fixtures, and other household goods not elsewhere classified</i> Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hoá không thuộc danh mục hàng hoá không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632) <i>Detail: Retail distribution rights for goods not listed as prohibited or restricted from distribution under Vietnamese laws or international treaties to which Vietnam is a member (CPC 632).</i>	4759
86	Hoạt động thiết kế chuyên dụng <i>Specialized design activities</i> Chi tiết: Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671); Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672) <i>Detail: Architectural services (CPC 8671); Engineering consulting services (CPC 8672).</i>	7410
87	Sản xuất sản phẩm chịu lửa <i>Manufacture of refractory products</i> Chi tiết: Sản xuất sản phẩm chịu lửa (không hoạt động tại trụ sở) (Loại trừ không thực hiện hoạt động sản xuất mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) <i>Detail: Manufacture of refractory products (not conducted</i>	2391

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	<i>at the registered office). (Excluding manufacturing activities in sectors where foreign-invested enterprises are not permitted to distribute goods under Vietnamese law from time to time).</i>	
88	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét <i>Manufacture of clay building materials</i> Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không hoạt động tại trụ sở) <i>Detail: Manufacture of clay building materials (not conducted at the registered office).</i> (Loại trừ không sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất xi măng giềng dầu, Barit và bentonit. Không thực hiện hoạt động sản xuất mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm). <i>(Excluding the production of clay bricks, oil-well cement, barite, and bentonite; and excluding manufacturing activities where foreign-invested enterprises are not permitted to distribute goods under Vietnamese law from time to time)</i>	2392
89	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao <i>Manufacture of cement, lime and plaster</i> Chi tiết: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở) <i>Detail: Manufacture of cement, lime and plaster (not conducted at the registered office).</i> (Loại trừ không sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất xi măng giềng dầu, Barit và bentonit. Không thực hiện hoạt động sản xuất mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm). <i>(Same exclusions as above regarding clay bricks, oil-well cement, barite, bentonite and excluding manufacturing activities where foreign-invested enterprises are not permitted to distribute goods under Vietnamese law from time to time)</i>	2394
90	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao <i>Manufacture of concrete and products of concrete, cement and plaster</i> Chi tiết: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở) <i>Detail: Manufacture of concrete and products from cement and plaster (not conducted at the registered office).</i> (Loại trừ không sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất xi măng giềng dầu, Barit và bentonit. Không thực hiện hoạt động sản	2395

Số TT No.	Tên ngành Business line Name	Mã ngành Business Code
	xuất mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm). <i>(Same exclusions as above regarding clay bricks, oil-well cement, barite, bentonite and excluding manufacturing activities where foreign-invested enterprises are not permitted to distribute goods under Vietnamese law from time to time)</i>	
91	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn <i>Retail sale in non-specialized stores with food, beverages and tobacco predominating</i>	4711
92	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ <i>Wholesale of rice, wheat, other cereal products and wheat flour.</i>	4631
93	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm <i>Employment placement agency activities</i> Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm <i>Detail: Activities of labor and employment consulting, placement and brokerage agencies.</i>	7810
94	Cung ứng lao động tạm thời <i>Temporary staffing services.</i>	7821
95	Cung ứng nguồn nhân lực khác <i>Provision of other human resources services</i>	7822
96	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. <i>Businesses must comply with legal regulations on land, construction, fire prevention and fighting, environmental protection, other relevant legal provisions pertaining to the business's operations, and business conditions for conditional business lines.</i>	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam <i>The business line code does not match the Vietnam Standard Industrial Classification system.</i>

1.2 Các sửa đổi, bổ sung khác:

Other amendments and additions:

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị <i>Article 25. Candidacy and nomination of members of the Board of Directors</i>		
1	Khoản 5 / Clause 5 5. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác. <i>A member of the Board of Directors may not concurrently be a member of the Board of Directors of more than five (05) other companies.</i>	5. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên của trên năm (05) công ty khác. <i>A member of the Board of Directors may not concurrently be a member of the Board of Directors or a member of Board of Member of more than five (05) other companies.</i>	Phù hợp với Nghị định 245/2025/ND-CP <i>In accordance with Decree 245/2025/ND-CP</i>

2. Hiệu lực của Điều lệ sửa đổi, bổ sung:

Validity of the amended and supplemented Charter:

- Các điều khoản còn lại được giữ nguyên, không thay đổi sau khi đã hoàn tất rà soát các nội dung Điều lệ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025.

All remaining provisions shall remain unchanged after completion of the review of the contents of the Charter in accordance with the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 providing amendments to the Law on Enterprises.

- Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng TRACODI (sửa đổi, bổ sung lần thứ 31) có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

The Charter of TRACODI Construction Holdings Joint Stock Company (amended and supplemented for the 31st time) shall take effect from the date the Resolution of the General Meeting of Shareholders is approved at the General Meeting of Shareholders.

Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng TRACODI (sửa đổi, bổ sung lần thứ 31) đính kèm.

The Draft of the Charter of TRACODI Construction Holdings Joint Stock Company (amended and supplemented for the 30th time) is attached.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Respectfully submitted for the GMS to review and vote for approval.

Trân trọng,

Sincerely,

Nơi nhận:

Recipients:

- ĐHĐCD;

GMS:

- Lưu: HĐQT, P. HTKD.

Archive: BOD Office, Business

Support Dept.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Thanh Hùng

Nguyen Thanh Hung